TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **212** /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung tài sản chung, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trần Đức Hiếu

2.Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" và thụ lý yêu cầu của bị đơn về việc: "Tranh chấp tài sản chung, nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn***:** Bà Nguyễn Vũ Lê Gi, sinh năm: 1985

Địa chỉ: 152 K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 11 ấ, xã D, thành phố Ph, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 152 K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt tại phiên tòa)

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Đức H, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Tổ 04, thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt tại phiên tòa)

+ Ông Nguyễn Đức H; sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ 16, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Nguyễn Vũ Lê Gi trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với Ông Nguyễn Đức Ph vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2010 ngày 18 tháng 01 năm 2010, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Dương Lâm 2, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang. Đến năm 2018 chuyển về sống tại số 152 K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020, không ai quan tâm đến ai, không có trách nhiệm gì với nhau. Hiện tại bà đang sống tại Tổ 11 ấ, xã D, thành phố Ph, tỉnh Kiên Giang. Ông Ph sống tại 152 K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.c

Nay bà xác định bà không còn tình cảm gì đối với ông Ph, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Ph.c

- Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 01 con chung: tên Nguyễn Bá Đ, sinh ngày: 22/11/2010, hiện tại cháu đang được bố chăm sóc nuôi dưỡng, sau khi ly hôn nguyện vọng của bà cho cháu tiếp tục sống với bố để thuận lợi cho việc học tập, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Vũ Lê Gi xác định vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 00, diện tích 100m^2 tọa lạc tại 152 K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng được Sở tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR779868, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CTs 38580 ngày 03 tháng 6 năm 2014, đứng tên 2 vợ chồng. Trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng xây năm 2018 (kết cấu nhà trụ, khung, dầm, sàn bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa, mattic sơn vôi, mái đúc, trần thạch cao, nền lót gạch men) diện tích xây dựng 75,8m^2, diện tích sử dụng 163,8m^{2,} ngoài ra còn có hiên, sân, hàng rào, cổng ngõ có diện tích công trình xây dựng: 24,2m^2. Tổng cộng giá trị công trình xây dựng trên đất: 764.169.200đ; Giá trị quyền sử dụng đất: 2.387.933.400đ (100m^2). Tổng giá trị đất và công trình xây dựng trên đất là: 3.152.102.600đ). Có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đường Kiều Phụng; Hướng Tây giáp mương thoát nước; Hướng Nam giáp lô đất trống; Hướng Bắc giáp nhà số 150 Kiều Phụng. Bà đồng ý với giá Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung với tổng giá trị nhà đất và hàng rào cổng ngõ là: 3.152.102.600đ. Hiện nay ông Ph cùng con đang sinh sống tại ngôi nhà này, sau ly hôn bà có nguyện vọng ông Ph tiếp tục ở tại ngôi nhà này và thối trả tiền chênh lệch cho bà, tài sản chung chia đôi theo giá Công ty cổ phần thẩm định

giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung. Vì sau khi kết hôn bà chuyển về sống tại nhà chồng tại xã Hòa phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho đến cuối năm 2018, thì chuyển về Hòa Xuân sống. Tại thời điểm chung sống cùng gia đình chồng, bà có nhiều công sức đóng góp, bà cố gắng hoàn thành bổn phận của người vợ, người dâu, hoàn thành tốt nghĩa vụ của người mẹ. Năm 2014 với số tiền vàng mừng cưới cùng số tiền tích lũy, vay mượn thêm vợ chồng bà quyết định mua đất tại 152 K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Năm 2018 vợ chồng bà xây dựng nhà và chuyển về đây sinh sống.

Từ ngày kết hôn, bà cố gắng cân đối các khoản chi tiêu, nuôi con, sinh hoạt ăn, uống trong gia đình hàng tháng có khoản tiền dư bà đều tích góp để lại, vài ba tháng bà rút tiền trong tài khoản của bà đưa cho ông Ph mua vàng, gởi ngân hàng theo yêu cầu của ông Ph nhằm mục đích trả khoản tiền nợ vợ chồng bà vay mượn mua đất, gom tiền để xay nhà , gom tiền trả nợ làm nhà mà vợ chồng bà còn thiếu cho đến khi hoàn tất. Toàn bộ tiền lương thu nhập hàng tháng của ông Ph, ông Ph tự giữ, rồi cũng để tích lũy trả nợ mua đất, nợ làm nhà *(BL 173, 174)*

- Về nợ chung: Trong khoản thời gian mua đất và làm nhà vợ chồng bà có nợ của nhiều người, nhưng đến nay đã trả, chỉ còn nợ Ông Nguyễn Đức H 05 chỉ vàng 9T6 tiệm vàng Trung tại chợ Túy Loan và Ông Nguyễn Đức H 02 tấm ván trị giá khoảng 10 triệu đồng, nay ván đã đóng cửa để làm nhà, bà đồng ý trả lại vàng và tiền cho Nguyễn Đức H và Nguyễn Đức H.

** Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ông Nguyễn Đức Ph trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Givề thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà ba mẹ ông, sau đó chuyển về sống tại số 152 K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến ngày 18 tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Gicó tình cảm với người đàn ông khác, bà Giđã làm đơn xin ly hôn ông, ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Đức Ph xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Bá Đ, sinh ngày: 22/11/2010, hiện nay con đang sống cùng ông và được ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu bà Gicấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Ph xác nhận vợ chồng có nhà và đất tọa lạc tại 152 K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng như bà Gitrình bày, ông đồng ý theo giá Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung. Tổng giá trị nhà đất và hàng rào cổng ngõ là: 3.152.102.600đ. Ông yêu cầu chia theo tỷ lệ 7/3 ông 07 phần, bà Gi3 phần. Vì theo ông trình bày tại bản trình bày ý kiến trong quá trình tố tụng:

Về quá trình hình thành tài sản: Để có được tài sản chung nêu trên là công sức đóng góp của ông nhiều hơn vì ông có tài sản riêng trước khi kết hôn: ông đi làm từ năm 2001 đến năm 2009 mới cưới vợ, ông dành dụm được số tài sản gồm

01 chiếc xe Wave an pha, 01 xe Future sau này đổi thành Airblack hiện vẫn còn sử dụng, 3 lượng vàng 9T8 và 120 triệu tiền mặt. Số tiền và vàng này ông đã dồn vào mua đất vào năm 2014.

Về mua đất thời điểm tháng 7 năm 2014: Ông tự dò hỏi tìm kiếm trong thời gian dài mới tìm được và mua đất chính chủ, mua với giá 328 triệu đồng, nguồn tiền, tỷ lệ công sức đóng góp để mua đất và quá trình trả nợ tiền mua đất là ông đóng chính từ tiền tích lũy trước hôn nhân, bà Gikhông đóng góp tiền mặt vì thời điểm khoảng từ tháng 7 năm 2012 đến tháng 2 năm 2014 bà Gikhông đi làm, chỉ ở nhà chăm con *(Bảng kê khai số 1 Bút lục 59).*

Về thời điểm làm nhà: Từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2018 trong đó phần thi công điện nước tự tay ông làm nên giảm được giá thành nhân công khoảng 25 triệu đồng, dây điện và ổ cắm là do bạn ông tài trợ. Tổng chi phí làm nhà khoảng 450 triệu đồng, trong đó bà Giđóng góp tổng số tiền mặt 85 triệu đồng trong đó 35 triệu đồng tiền mặt là tiền bù hợp đồng và hỗ trợ mất việc từ công ty điện tử Foster Hòa Cầm và trả nợ tiền vay ngân hàng chính sách 50 triệu đồng. Còn lại toàn bộ phần mượn tiền để xây nhà và trả nợ do mình ông gồng gánh mà trả *(bản kê số 2,3 Bút lục số 57,58).* Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nhận nhà và thối tiền chênh lệch cho bà Gi, vì hiện nay ông và con đang sinh sống tại ngôi nhà này.

Về nợ chung: Đến thời điểm hiện nay vợ chồng ông chỉ còn nợ 02 người đó là: có nợ Ông Nguyễn Đức H 05 chỉ vàng 9T8 và Ông Nguyễn Đức H một số gỗ đóng cửa làm nhà, nay gỗ đã đóng cửa, trị giá gỗ khoảng 15 triệu đồng, ông đồng ý vợ chồng có trách nhiệm trả cho ông Hà và ông Hồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Đức H trình bày:*

Vào ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại nhà Ông Nguyễn Đức H, Ông Nguyễn Đức H có cho Ông Nguyễn Đức Ph mượn 05 (Năm) chỉ vàng 9T8 để làm nhà. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Ph có trách nhiệm trả lại cho ông 05 chỉ vàng nêu trên theo giá thị trường tại thời điểm xét xử mỗi chỉ 5.300.000 đồng. Tổng cộng 26.500.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Đức H trình bày:*

Vào ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại nhà Ông Nguyễn Đức H, Ông Nguyễn Đức H có cho Ông Nguyễn Đức Ph mượn một số gỗ để làm cửa như sau: Gỗ kiền kiền khung ngoại: 04 miếng x 2.500.000đ/miếng = 10.000.000 đồng; Gỗ xẻ cộng 4,5 phân x 40 phân dài 3,5m; 5 miếng x 1.000.000 đồng/miếng = 5.000.000đ. Tổng cộng: 15 triệu đồng. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Ph có trách nhiệm trả lại cho ông 15 triệu đồng. Vì các loại gỗ trên đã đóng cửa làm nhà nên không thể xem xét định giá được.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận về việc thuận tình ly hôn giữa bà Givà ông Ph

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Bá Đ, sinh ngày: 22/11/2010 cho Ông Nguyễn Đức Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Vũ Lê Gi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2000.000 đồng (Hai triệu đồng), Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về tài sản chung: Tại đơn xin ly hôn ngày 31 tháng 3 năm 2021 bà Gikhông yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 09 tháng 10 năm 2021 bị đơn Ông Nguyễn Đức Ph có đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Khối tài sản chung của vợ chồng ông Ph bà Giđược tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, ông Ph và bà Giđều có công sức đóng góp tạo nên khối tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên xét căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ an về công sức đóng góp thì ông Ph có công sức đóng góp nhiều hơn bà Gi, do đó giải quyết chia theo tỉ lệ 6/4 (ông Ph được nhận 6 phần; bà Giđược nhận 4 phần)**.** Người nào nhận nhà, đất thì có nghĩa vụ thối trả tiền cho người còn lại.

+ Về nợ chung: Bà Nguyễn Vũ Lê Gi và Ông Nguyễn Đức Ph đều xác nhận có nợ Ông Nguyễn Đức H 05 chỉ vàng 9T8 và Ông Nguyễn Đức H một số gỗ đóng cửa làm nhà, nay gỗ đã đóng cửa, trị giá gỗ 15 triệu đồng, ông Ph và bà Giđều đồng ý trả nợ cho ông Hà và ông Hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Vũ Lê Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng Bà Nguyễn Vũ Lê Gi có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Bà Nguyễn Vũ Lê Gi.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Vũ Lê Gi và Ông Nguyễn Đức Ph được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (*Theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2010 ngày 18 tháng 01 năm 2010)*. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án Bà Nguyễn Vũ Lê Gi khai rằng: Bà không còn tình cảm, không còn thương yêu gì đối với Ông Nguyễn Đức Ph vì tính tình không hợp, vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, không ai có trách nhiệm với ai, nên bà và ông Ph đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn Ông Nguyễn Đức Ph. Ông Nguyễn Đức Ph xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Gicó tình cảm với người đàn ông khác, hiện tại vợ chồng đã không chung sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay bà Gixin ly hôn ông, ông đồng ý ly hôn. Xét về quan hệ hôn nhân, bà Givà ông Ph đều đồng ý ly hôn nên HĐXX căn cứ vào trình bày của các đương sự, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Givà ông Ph đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Giđề nghị được ly hôn với ông Ph là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận cho bà Giđược ly hôn với ông Ph.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Vũ Lê Gi và Ông Nguyễn Đức Ph xác nhận vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Bá Đ, sinh ngày: 22/11/2010 hiện tại cháu đang được ông Ph chăm sóc nuôi dưỡng, sau khi ly hôn nguyện vọng của bà cho cháu tiếp tục sống với ba để thuận lợi cho việc học tập, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Quá trình tham gia tố tụng, ông Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu bà Gicấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) .

Xét việc nuôi con thì thấy: Trong vụ án này bà Givà ông Ph đã thống nhất về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau: Giao con chung tên Nguyễn Bá Đ, sinh ngày: 22/11/2010 cho ông Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Gitự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận trên là tự nguyện và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đạt, phù hợp các điều 58,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và Gia đình nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn xin ly hôn ngày 31 tháng 3 năm 2021 bà Gikhông yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 09 tháng 10 năm 2021 Ông Nguyễn Đức Ph có đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Xét yêu cầu giải quyết về tài sản chung của ông Ph, HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án ông Ph yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đối với nhà và đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất số 152 đường Kiều Phụng, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 779868 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CTs 38580, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng chỉnh lý biến động cho Ông Nguyễn Đức Ph, Bà Nguyễn Vũ Lê Gi ngày 01 tháng 8 năm 2014). Tọa lạc trên phần đất là ngôi nhà 02 tầng xây năm 2018 (kết cấu nhà trụ, khung, dầm, sàn bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa, mattic sơn vôi, mái đúc, trần thạch cao, nền lót gạch men) diện tích xây dựng 75,8m^2, diện tích sử dụng 163,8$m^{2,}$ ngoài ra còn có hiên, sân,

hàng rào, cổng ngõ có diện tích công trình xây dựng: 24,2m^2. Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung thì tổng cộng giá trị công trình xây dựng trên đất: 764.169.200đ; Giá trị quyền sử dụng đất: 2.387.933.400đ (100m^2). Tổng giá trị đất và công trình xây dựng trên đất là: 3.152.102.600đ).

[5] Yêu cầu chia tài sản chung của ông Ph được bà Giđồng ý và xác nhận trong quá trình tham gia tố tụng. Ông Ph và bà Giđều thống nhất về tài sản chung vợ chồng tạo lập, việc chia tài sản chung là nhà và đất nêu trên nhưng không thống nhất về giá trị tài sản được nhận.

[6] Xét yêu cầu chia tài sản chung của Ông Nguyễn Đức Ph HĐXX nhận định: Khối tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ 152 đường Kiều Phụng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, ông Ph và bà Giđều có công sức đóng góp để tạo lập ra khối tài sản chung nêu trên nên đây là tài sản chung của vợ chồng ông Ph bà Gi. Ông Ph cho rằng ông có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập ra khối tài sản chung này nên đề nghị được chia theo tỷ lệ 7/3, trong đó ông được nhận 7 phần và bà Giđược nhận 3 phần. Theo bà Githì vợ chồng có công sức như nhau trong việc tạo lập tài sản nên bà đề nghị Tòa án chia theo tỷ lệ 5/5. Xét lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận định, quá trình tạo lập khối tài sản chung, ông Ph có công sức đóng góp nhiều hơn, quá trình hình thành khối tài sản chung này vợ chồng ông Ph bà Giđã mượn từ nhiều nguồn để mua đất và làm nhà. Tuy nhiên, xét về mức thu nhập của vợ chồng cũng như công sức của mỗi người tạo lập nên khối tài sản chung này HĐXX đánh giá ông Ph là người có công sức nhiều hơn. Ngoài ra, bà Giđã bỏ đi khỏi nhà và giao con cho ông Ph nuôi dưỡng cũng thể hiện trách nhiệm của bà trong việc tạo lập hạnh phúc gia đình, nuôi dưỡng con cái. Còn ông Ph thì hiện đang nuôi con chung và hai cha con cùng sống chung tại khối tài sản chung này. Mặc dù, ông Ph có công sức nhiều hơn trong việc tạo lập khối tài sản nhưng yêu cầu chia 7/3 là chưa phù hợp, HĐXX xét thấy chia tài sản chung theo tỷ lệ 6/4 là phù hợp với công sức đóng góp các ông Ph bà Gicũng như phù hợp với nguyên tắc chia tài sản chung sau ly hôn quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[7] Về việc giao hiện vật và nghĩa vụ thối trả: Xét nhà và đất số 153 Kiều Phụng không chia được bằng hiện vật. Hiện nay bà Giđã sinh sống tại Kiên Giang còn ông Ph và cháu Đạt hiện đang sống tại nhà đất 153 Kiều Phụng nên cần giao nhà và đất cho ông Ph được nhận và thối trả phần chênh lệch cho bà Githeo tỷ lệ 6/4. Theo kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung thì tổng cộng giá trị công trình xây dựng trên đất: 764.169.200đ; Giá trị quyền sử dụng đất: 2.387.933.400đ (100m^2). Tổng giá trị đất và công trình xây dựng trên đất là: 3.152.102.600 đồng. Ông Ph được nhận giá trị tài sản tương đương 6 phần, bà Giđược nhận giá trị tài sản tương đương 4 phần nên ông Ph phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Gisố tiền chênh lệch là: 3.152.102.600 đồng x 40% là 1.260.841.040 đồng.

Ông Ph được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm các thủ tục để được đứng tên sử dụng đối với lô đất và tài sản gắn liền với đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

Về chi phí định giá tài sản là 13.000.000 đồng bà Givà ông Ph phải chịu, nhưng ông Ph đã tạm ứng vì vậy bà Giphải trả lại cho ông Ph số tiền 5.200.000 đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: là 2.000.000đ, bà Givà ông Ph phải chịu phần chi phí xem xét,thẩm định tại chỗ theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia nên bà Gichịu 800.000 đồng, ông Ph chịu 1.200.000 đồng. Ông Ph đã nộp 2.000.000 đồng. Vì vậy căn cứ vào các điều 157, 158 BLTTDS buộc bà Giphải trả cho ông Ph số tiền 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng)

[8] Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức Ph xác nhận vợ chồng có nợ Ông Nguyễn Đức H 05 chỉ vàng 9T8 và Ông Nguyễn Đức H một số gỗ đóng cửa làm nhà, nay gỗ đã đóng cửa, trị giá gỗ khoảng 15 triệu đồng, ông đồng ý vợ chồng có trách nhiệm trả cho ông Hà và ông Hồng. Quá trình tham gia tố tụng bà Gicũng xác nhận vợ chồng ông bà có nợ ông Hà 05 chỉ vàng, còn đối với khoản nợ ông Hồng bà đồng ý trả 10 triệu, không đồng ý trả 15 triệu theo yêu cầu ông Hồng. HĐXX xét thấy 02 khoản nợ của ông Hồng và ông Hà là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân, khi mượn có viết giấy mượn, ông Ph viết, bà Gicũng xác nhận có nợ nên buộc bà Givà ông Ph phải trả 02 khoản nợ này cho ông Hồng và ông Hà là phù hợp, đối với 05 chỉ vàng 9T8 trị giá thị trường tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng là 5.300.000 đồng x 5 là 26.500.000 đồng nên ông Ph, bà Giphải có trách nhiệm mỗi người trả cho ông Hà 13.250.000 đồng, trả cho ông Hồng 7.500.000 đồng.

[9] Bà Giphải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008762 ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Giphải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[10] Án phí chia tài sản chung sơ thẩm: Bà Givà ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật TTDS, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Giphải chịu là 49.825.231 đồng, ông Ph phải chịu là 68.737.846 đồng nhưng ông Ph được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 29.840.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001539 ngày 21 tháng 10 năm 2021 nên ông Ph còn phải nộp là 38.897.846 đồng.

[11] Án phí nợ chung: Do chấp nhận yêu cầu của ông Hồng, ông Hà nên ông Ph, bà Giphải chịu án phí về nợ chung. (Đối với khoản nợ ông Hồng 15 triệu đồng mỗi người chịu 375.000 đồng; Đối với khoản nợ ông Hà 05 chỉ vàng 9T8 x 01 chỉ 5.300.000 đồng = 26.500.000 đồng mỗi người chịu 662.500 đồng.

[12] Xét đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của HĐXX nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51,56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 28, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 228, 266, 267, 269, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Vũ Lê Gi đối với Ông Nguyễn Đức Ph về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* và yêu cầu của Ông Nguyễn Đức Ph đối với Bà Nguyễn Vũ Lê Gi về*: "Tranh chấp tài sản chung, nợ chung".*

Tuyên Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Nguyễn Vũ Lê Gi được ly hôn Ông Nguyễn Đức Ph.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Bá Đ, sinh ngày: 22/11/2010 cho Ông Nguyễn Đức Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Vũ Lê Gi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2000.000 đồng (Hai triệu đồng), Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Bên không nuôi con được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Giao cho Ông Nguyễn Đức Ph được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu ngôi nhà hai tầng có kết cấu nhà trụ, khung, dầm, sàn bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa, mattic sơn vôi, mái đúc, trần thạch cao, nền lót gạch men, diện tích xây dựng 75,8m^2, diện tích sử dụng 163,8m^2 và các tài sản gắn liền trên đất gồm phần hiên, sân, hàng rào, cổng ngõ có diện tích công trình xây dựng: 24,2m^2 tọa lạc tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 00, diện tích 100m^2, địa chỉ số: 152 K, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng được Sở tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR779868, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CTs 38580 ngày 03 tháng 6 năm 2014.

Nhà đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đường Kiều Phụng; Hướng Tây giáp mương thoát nước; Hướng Nam giáp lô đất trống; Hướng Bắc giáp nhà số 150 Kiều Phụng.

Ông Nguyễn Đức Ph được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm các thủ tục để được đứng tên sử dụng đối với lô đất và tài sản gắn liền với đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Về nghĩa vụ thối trả: Buộc Ông Nguyễn Đức Ph phải có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch về tài sản chung cho Bà Nguyễn Vũ Lê Gi số tiền là: 1.260.841.040

đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi mốt ngàn không trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

5. Về nợ chung:

5.1. Buộc Bà Nguyễn Vũ Lê Gi và Ông Nguyễn Đức Ph phải trả cho Ông Nguyễn Đức H 05 chỉ vàng 9T8 trị giá 26.500.000 đồng, mỗi người phải trả số tiền 13.250.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

5.2. Buộc Bà Nguyễn Vũ Lê Gi và Ông Nguyễn Đức Ph mỗi người phải trả cho Ông Nguyễn Đức H số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7.Về án phí:

7.1. Án phí HNGĐ sơ thẩm Bà Nguyễn Vũ Lê Gi phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Giđã nộp theo biên lai thu số 0008762 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

7.2. Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con Bà Nguyễn Vũ Lê Gi phải chịu 300.000 đồng.

7.3. Án phí chia tài sản chung:

Bà Nguyễn Vũ Lê Gi phải chịu là 49.825.231đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi mốt đồng).

Ông Nguyễn Đức Phúc phải chịu là 68.737.846 đồng (Sáu mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi sáu đồng) nhưng ông Ph được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 29.840.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001539 ngày 21 tháng 10 năm 2021 nên ông Ph còn phải nộp là 38.897.846 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi sáu đồng)

7.4. Án phí nợ chung:

Bà Nguyễn Vũ Lê Gi phải chịu là 1.037.500 đồng (Một triệu không trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Đức Ph phải chịu là 1.037.500 đồng (Một triệu không trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho Ông Nguyễn Đức H số tiền tạm ứng án phí 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001912 ngày 31.5.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả cho Ông Nguyễn Đức H số tiền tạm ứng án phí 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001911 ngày 31.5.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

8. Về chi phí tố tụng:

Buộc Bà Nguyễn Vũ Lê Gi có nghĩa vụ hoàn trả cho Ông Nguyễn Đức Ph số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Trong đó chi phí định giá tài sản: 5.200.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 800.000 đồng.

9. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đức Ph, Nguyễn Đức Hồng, Nguyễn Đức Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng Bà Nguyễn Vũ Lê Gi vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trương Thị Hai